

## TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ - **HT** LEGAL VN TRÌNH TỰ TỔ TỤNG VÀ THI HÀNH ÁN CƠ BẢN

### PHẦN A. TRÌNH TỰ TỔ TỤNG DÂN SỰ TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

#### I. Khởi kiện và thụ lý vụ án:

##### 1. Cách thức gửi đơn khởi kiện đến Tòa án (Điều 190 Bộ luật tố tụng dân sự 2015):

- Nộp trực tiếp tại Tòa án;
- Hoặc gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính;
- Hoặc gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

##### Lưu ý:

- Ngày khởi kiện được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại Tòa án hoặc ngày được ghi trên dấu của tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi.
- Trường hợp không xác định được ngày, tháng, năm theo dấu bưu chính nơi gửi thì ngày khởi kiện là ngày đương sự gửi đơn tại tổ chức dịch vụ bưu chính; trường hợp đương sự không chứng minh được thì ngày khởi kiện là ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện do tổ chức dịch vụ bưu chính chuyển đến.
- Trường hợp người khởi kiện gửi đơn khởi kiện bằng phương thức gửi trực tuyến thì ngày khởi kiện là ngày gửi đơn.

##### 2. Thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện tại Tòa án (Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự 2015):

- Tòa án thông qua bộ phận tiếp nhận đơn phải nhận đơn khởi kiện được gửi bằng phương thức trực tuyến/gửi qua dịch vụ bưu chính và ghi vào sổ nhận đơn. Trường hợp Tòa án nhận đơn khởi kiện được gửi bằng phương thức gửi trực tuyến thì Tòa án in ra bản giấy và phải ghi vào sổ nhận đơn.
- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và có một trong các quyết định sau đây:
  - + Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện;
  - + Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn quy định tại **khoản 1 Điều 317 của Bộ luật này**;
  - + Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác;
  - + Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

##### Lưu ý:

Thực tế khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa thì Tòa án kiểm tra hồ sơ ngay khi nộp đơn kiện và có hai trường hợp xảy ra:

- Thứ nhất, sẽ ra biên nhận hồ sơ và hẹn thời hạn nhận kết quả (08 ngày làm việc) nếu Tòa án xét thấy hồ sơ khởi kiện đầy đủ.
- Thứ hai, nếu Tòa án xét thấy cần bổ sung thêm hồ sơ, giấy tờ xác minh địa chỉ cư trú, thông tin tài sản... thì sẽ ra thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ rồi mới thụ lý.

##### 3. Thụ lý vụ án (Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự 2015):

- Nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí

trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí. Người khởi kiện đến Tòa án để nhận Thông báo nộp tạm ứng án phí hoặc Tòa án sẽ gửi Thông báo nộp tạm ứng án phí qua đường bưu điện cho người nộp đơn.

- Trong **thời hạn 07 (bảy) ngày**, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Cách thức nộp như sau:
  - + Người khởi kiện nộp tiền mặt (hoặc chuyển khoản) đến Cơ quan thi hành án cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền thụ lý.
  - + Cơ quan thi hành án sẽ giao cho người nộp tiền 02 biên lai thu tiền, người nộp tiền giữ một bản và giao lại cho Tòa án (bộ phận nhận hồ sơ) một bản.
  - + Ngày nộp biên lai đóng tiền tạm ứng án phí cho Tòa án là **ngày Tòa án thụ lý vụ án**.
- 4. Phân công thẩm phán và thông báo thụ lý vụ án** (Điều 196, 197 Bộ luật tố tụng dân sự 2015):

Trong thời hạn **03 (ba) ngày làm việc** kể từ ngày thụ lý vụ án:

- Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán giải quyết vụ án.
- Đồng thời, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho nguyên đơn, bị đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án.

## **II. Hòa giải và chuẩn bị xét xử:**

### **1. Thời hạn chuẩn bị xét xử** (Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015):

- Đối với các vụ án quy định tại Điều 26 (tranh chấp về dân sự) và Điều 28 (tranh chấp về hôn nhân và gia đình) của Bộ luật này, thời hạn là 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án (có thể gia hạn thêm 02 tháng);
- Đối với các vụ án quy định tại Điều 30 (tranh chấp về kinh doanh, thương mại) và Điều 32 (tranh chấp về lao động) của Bộ luật này, thời hạn là 02 (hai) tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án (có thể gia hạn thêm 01 tháng).

### **2. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tùy từng trường hợp, Tòa án ra một trong các quyết định sau đây:**

- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự;
- Tạm đình chỉ giải quyết vụ án;
- Đình chỉ giải quyết vụ án;
- Đưa vụ án ra xét xử.

**Lưu ý:** Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng

### **3. Thủ tục hòa giải** (Điều 205 → Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự 2015):

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án trừ những vụ án dân sự không được hòa giải và những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

- Trước khi tiến hành phiên hoà giải, Tòa án phải thông báo cho các đương sự, biết về thời gian, địa điểm tiến hành phiên hoà giải, nội dung các vấn đề cần hoà giải.
- Khi hòa giải mà các đương sự thoả thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án dân sự (thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án) thì Tòa án lập biên bản hoà giải thành. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hoà giải.

- **Hết thời hạn 07 (bảy) ngày**, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó thì Tòa án ra **quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự**.

**Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc**, kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự, Tòa án phải gửi quyết định đó cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp. Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thoả thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội.

**Lưu ý:** Trên thực tế trong thời gian chuẩn bị xét xử thì đầu tiên Tòa án sẽ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trong cùng một buổi làm việc đầu tiên.

### **III. Thủ tục xét xử sơ thẩm:**

**(Chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự 2015):** Nếu không thỏa thuận được hoặc không phát sinh các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án thì Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

**Lưu ý:** Trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là hai tháng.

#### **1. Những quy định chung:**

- Phiên tòa sơ thẩm phải được tiến hành đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc trong giấy báo mở lại phiên tòa trong trường hợp phải hoãn phiên tòa.

#### **Sự có mặt của nguyên đơn tại phiên tòa:**

- + Nguyên đơn phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên tòa.
- + Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không có người đại diện tham gia phiên tòa vẫn vắng mặt, trừ trường hợp họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nếu không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

#### **Sự có mặt của bị đơn tại phiên tòa:**

- + Bị đơn phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên tòa.
- + Bị đơn mà không có người đại diện tham gia phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nếu không có yêu cầu phản tố vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ. Bị đơn có yêu cầu phản tố vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố và Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố, trừ trường hợp bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

#### **Sự có mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

- + Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng thì phải hoãn phiên tòa.
- + Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

**Lưu ý 1:** Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa sau đây:

- Nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;
- Nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa;
- Các trường hợp Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

**Lưu ý 2:** Nếu vụ án thuộc các trường hợp phải hoãn phiên tòa thì thời hạn hoãn phiên tòa sơ thẩm là không quá 01 tháng, đối với phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn là không quá 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa..

2. **Thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa:** Được quy định từ Điều 239 → Điều 263 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**Lưu ý:** Tại phần thủ tục hỏi tại phiên tòa:

- Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không. Trong trường hợp các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của họ là tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội và việc thoả thuận thì Hội đồng xét xử ra **Quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án.**
- Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự nếu các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.
- Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.
- Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thoả thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội.

3. **Nghị án và tuyên án:** Được quy định từ Điều 264 → Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm hoặc những phần bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
- **Thời hạn kháng cáo của đương sự:**
- + Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
- + Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.
- + Thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, kể từ ngày đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật này.
- + Trường hợp đơn kháng cáo được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì. Trường hợp người kháng cáo đang bị tạm giam thì ngày kháng cáo là ngày đơn kháng cáo được giám thị trại giam xác nhận.”

- + Như vậy, trong trường hợp thông thường tất cả đương sự đều có mặt tham gia phiên tòa hoặc có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- **Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát:**
- + Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.”
- + Như vậy, trong trường hợp thông thường Viện kiểm sát có tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp với cấp Tòa xử án sơ thẩm là 15 ngày.
- + Quyền kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp với cấp Tòa xử án sơ thẩm là 01 tháng.
- + Từ các quy định trên thì trong trường hợp thông thường Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

**IV. Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm:**

Thực hiện theo các quy định từ Điều 270→ Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.